

2.4.2.b. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

2.4.2.c. Tác động về thủ tục hành chính: phương án này giúp đơn giản hóa TTHC, giảm từ 2 thủ tục đăng ký thành lập và cấp giấy chứng đăng ký hoạt động KH&CN xuống còn 1 thủ tục đăng ký tổ chức KH&CN, giúp giảm bớt số lượng tổ chức phải đăng ký hoạt động KH&CN.

2.4.2.d. Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: phương án này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nội dung được giao trong Luật.
- Quyền cơ bản của công dân: tác động tích cực tới quyền nghiên cứu KH&CN của công dân theo quy định tại Điều 40 Hiến pháp năm 2013.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: phương án phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
- Tương thích với các điều ước quốc tế: phương án này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Phương án 2 là phương án mang lại nhiều tác động tích cực, bảo vệ quyền và nâng cao trách nhiệm của tổ chức KH&CN, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, giúp nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời, kiến nghị Quốc hội ban hành các chính sách để đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN. Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN.

## 3. Chính sách 3: Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

### 3.1. Vấn đề bất cập

Tính đến năm 2021, cả nước có 187.298 người tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển, tập trung nhiều ở các tổ chức giáo dục đại học (quy đổi bằng cách tính toàn bộ giảng viên đại học), chiếm 51,99%, tiếp theo là các tổ chức nghiên cứu và phát triển chiếm 17,85%. Nhân lực làm nghiên cứu và phát triển trong khu vực doanh nghiệp chiếm 15,28%. Trong đó, số lượng nghiên cứu viên chiếm 83,63% (khoảng 156.588 người), nhân lực kỹ thuật dưới 7% (khoảng 12.424 người) và nhân lực hỗ trợ dưới 10% (18286 người)<sup>5</sup>.

- Số lượng nhân lực nghiên cứu và phát triển còn ít so với thế giới (7 người/1 vạn dân), tập trung vào viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Nhân lực nghiên

<sup>5</sup> Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

cứu và phát triển trong doanh nghiệp hạn hẹp. Nhân lực trong khu vực công lập hoạt động chưa hiệu quả, khó thu hút nhân lực có kinh nghiệm từ khu vực ngoài công lập. Chưa xây dựng được đội ngũ nhân lực triển khai các công việc thúc đẩy ĐMST, thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, làm gia tăng giá trị trong sản xuất, kinh doanh.

- Các quy định về ưu đãi nhân lực KH&CN chưa thuận lợi để thực thi trong thực tiễn, chưa thực sự khuyến khích cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Thiếu cơ chế, chính sách đột phá trong đầu tư, huy động nguồn lực, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, tôn vinh trí thức, nhất là bộ phận trí thức tinh hoa. Cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ trí thức chưa hợp lý, thiếu hụt chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực quan trọng; chưa tạo được môi trường thuận lợi động viên trí thức chủ động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, truyền thụ kiến thức, tư vấn, phản biện xã hội; việc xây dựng đội ngũ trí thức chưa gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của từng ngành, địa phương.

- Đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: Luật KH&CN 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành cùng với hệ thống Thông tư hiện hành đã mở ra hành lang pháp lý với nhiều ưu đãi đặc biệt. Tuy nhiên, vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống. Quy định về nhóm nghiên cứu xuất sắc khó thực hiện việc ưu tiên do quy định về tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN chưa làm rõ việc triển khai thực hiện.

- Chưa có quy định đặc thù về cơ chế tiền lương, nâng ngạch, bậc, chuyển đổi năm công tác đối với nhân lực KH&CN mà vẫn theo các quy định chung áp dụng đối với công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước nên các chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự thu hút, hấp dẫn nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ không phải là cán bộ nghiên cứu, nghiên cứu viên chưa được quan tâm phát triển (bao gồm cán bộ quản lý KH&CN, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ độc lập, kỹ thuật viên, cán bộ hành chính, cán bộ quản lý tham gia công việc trực tiếp liên quan đến các dự án nghiên cứu và phát triển,...). Trong từng chương trình, đề tài cần có nhân lực hỗ trợ nghiên cứu thực sự chuyên nghiệp để giúp các nhà nghiên cứu chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, kiểm soát tài chính, chi tiêu...

- Chưa có cơ chế thuận lợi cho việc trao đổi nhân lực nghiên cứu từ trường đại học sang viện nghiên cứu để nâng cao trình độ và từ tổ chức KH&CN; từ viện nghiên cứu sang doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động liên kết, chia sẻ thông tin, kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.

- Chưa có quy định về nhân lực hoạt động ĐMST. Chưa có quy định về các đối tượng hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ngoài công lập. Chưa làm rõ việc bố trí nhân lực trong tổ chức KH&CN thực hiện theo vị trí, việc làm để phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Chưa có quy định để thu hút nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi để thúc đẩy khu vực này phát triển, bảo đảm hài hòa với các vùng kinh tế khác.

- Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút được các chuyên gia giỏi là chuyên gia, người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các chương trình đào tạo tại Việt Nam<sup>6</sup>.

- Hiện nay, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 không quy định về giải thưởng KH&CN của bộ, ngành, tổ chức, cá nhân. Trong khi đó, hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST đang được đề xuất mở rộng cả về phạm vi và đối tượng hoạt động. Bên cạnh đó, một số bộ, ngành, tổ chức cũng đã tổ chức giải thưởng về KH&CN như: Giải thưởng Trần Đại Nghĩa (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam), Giải thưởng KH&CN dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Giải thưởng VIFOTEC (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam), Giải thưởng Vinfuture (Vinfuture Foundation),... Các giải thưởng này đều tạo được dư luận tốt nhằm tôn vinh, khích lệ tinh thần nghiên cứu khoa học, sáng tạo của nhà khoa học và các tầng lớp nhân dân, cần được quy định trong Luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đặt và tặng giải thưởng nhằm động viên tổ chức và nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, trong đó quan trọng nhất là yêu cầu về tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật được Luật KH&CN 2013 đề cập rải rác trong các điều 5, 8 và 21 (nguyên tắc hoạt động KH&CN; hành vi bị cấm; nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH&CN), nhưng chưa có một điều riêng quy định vấn đề này. Pháp luật về giáo dục đại học hiện đang giao các cơ sở giáo dục đại học tự quy định và áp dụng nội bộ.

#### Hậu quả của bất cập:

- Nhân lực KH&CN thiếu về số lượng và chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng KH&CN để phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Chưa xây dựng được đội ngũ nhân lực triển khai các công việc thúc đẩy ĐMST, thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, làm gia tăng giá trị trong sản xuất, kinh doanh.

#### Nguyên nhân của bất cập:

- Luật KH&CN 2013 tập trung quy định đối với lực lượng làm KH&CN trong các viện nghiên cứu, trường đại học; các nhóm đối tượng còn lại chưa được quan tâm thỏa đáng, nhất là lực lượng làm việc trong các doanh nghiệp và người Việt Nam ở nước ngoài

<sup>6</sup> Hằng năm, mới có hàng trăm lượt trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về nước cùng kết hợp với các nhà khoa học trong nước thực hiện các hoạt động trao đổi học thuật. Các mạng lưới về KH&CN và ĐMST kết nối với các chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia hàng đầu trên thế giới mới dần được hình thành.

- Các quy định về ưu đãi nhân lực KH&CN chưa thuận lợi để thực thi trong thực tiễn, chưa thực sự khuyến khích các cá nhân hoạt động KH&CN. Thiếu cơ chế, chính sách đột phá trong đầu tư, huy động nguồn lực, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, tôn vinh trí thức, nhất là bộ phận trí thức tinh hoa.

### 3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Thúc đẩy sự phát triển của nhân lực KH,CN&ĐMST không chỉ ở khu vực hàn lâm (viện nghiên cứu, trường đại học) mà lan tỏa, mở rộng nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST sang cả khu vực công lập (nhân lực quản lý KH,CN&ĐMST, nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên cao học) và ngoài công lập (nhà nghiên cứu độc lập, nhân lực trong doanh nghiệp) để có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng.

### 3.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng như quy định tại Luật KH&CN 2013.

3.3.2. Phương án 2: sửa đổi, bổ sung quy định về nhân lực KH,CN&ĐMST như sau:

- Mở rộng phạm vi từ chỉ điều chỉnh nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sang điều chỉnh toàn bộ nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST và có chính sách phù hợp với từng đối tượng. Quy định các chức danh chung cho nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong mọi tổ chức, không phân biệt ở khu vực công lập hay ngoài công lập.

- Xác định cơ chế quản lý, ưu đãi, hỗ trợ tương ứng với các lực lượng nêu trên. Giao Chính phủ quy định chi tiết:

+ Đối với nhân lực quản lý KH,CN&ĐMST: Nhà nước cần bảo đảm nguồn lực để: định kỳ được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức mới về quản trị KH,CN&ĐMST trong nước và ở nước ngoài; đào tạo về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; tham gia giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các đồng nghiệp làm quản lý KH,CN&ĐMST ở các nước tiến tiến; được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng để cập nhật thông tin, kiến thức quản lý KH,CN&ĐMST.

+ Đối với nhân lực trong doanh nghiệp, nhân lực hoạt động độc lập và trong các tổ chức khác: đào tạo kiến thức về công nghệ, quản trị công nghệ; hỗ trợ hoàn thiện ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với các kết quả nghiên cứu; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm mới. Đối với nghiên cứu sinh sau tiến sĩ: bổ sung học bổng nghiên cứu. Đối với nghiên cứu sinh và học viên cao học tham gia nghiên cứu: bổ sung kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

+ Đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: bổ sung các nội dung xác định rõ tiêu chí và các chính sách ưu đãi, trọng dụng: điều kiện làm việc, việc sử dụng cơ sở vật chất, huy động nhân lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

+ Đối với nhân lực nghiên cứu trong viện nghiên cứu, trường đại học: quy định chức danh trong các tổ chức công lập (theo vị trí việc làm). Sửa đổi, bổ sung các quy định để tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ; giao lưu học thuật; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh ở trong và ngoài nước. Trong từng chương trình, đề tài nghiên cứu và phát triển cần có nhân lực hỗ trợ nghiên cứu thực sự chuyên nghiệp để giúp các nhà nghiên cứu chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, kiểm soát tài chính, chi tiêu... Và cần dòng ngân sách thỏa đáng hơn cho công việc và nhân lực này.

- Bổ sung quy định cử cán bộ nghiên cứu từ viện nghiên cứu, trường đại học định kỳ được cử sang làm việc ngắn hạn ở doanh nghiệp. Trong thời gian làm việc ở doanh nghiệp, họ vẫn được giữ nguyên lương, được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng để tạo sự yên tâm trong công việc. Chính sách sẽ giúp cho cán bộ nghiên cứu từ khu vực hàn lâm gắn kết hơn với hoạt động thực tiễn, hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp, phục vụ cho xác định hướng nghiên cứu. Đồng thời, cán bộ nghiên cứu sẽ có cơ hội giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu, chuyên giao kiến thức về công nghệ cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

- Mở rộng phạm vi khen thưởng, đối tượng được khen thưởng phù hợp với các thành phần tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST; hoàn thiện quy định để tổ chức, cá nhân có thể đặt, tặng các giải thưởng tôn vinh tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Thúc đẩy sự phát triển của nhân lực KH, CN & ĐMST không chỉ ở khu vực hàn lâm (viện nghiên cứu, trường đại học) mà lan tỏa, mở rộng sang các khu vực khác (nhà nghiên cứu độc lập, nhân lực trong doanh nghiệp) để có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng.

- Bổ sung quy định để khuyến khích, thu hút các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi (ưu đãi đối với nhân lực...).

- Đề xuất các chế độ, chính sách thu hút nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ở Việt Nam.

- Bổ sung nghĩa vụ bảo mật thông tin, dữ liệu đối với cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Bổ sung quyền, nghĩa vụ của cá nhân hoạt động ĐMST.

- Bổ sung quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc chung về đạo đức trong nghiên cứu và giao cho các tổ chức KH&CN tự quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

### 3.4. Đánh giá tác động các phương án đề xuất

3.4.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng và không sửa đổi quy định của Luật KH&CN 2013.

#### 3.4.1.a. Tác động kinh tế - xã hội:

##### Tác động tiêu cực:

##### Đối với Nhà nước:

- Không có quy định phù hợp để xác định, công nhận, có chính sách phù hợp đối với các thành phần tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST để lan tỏa tri thức từ khu vực công sang doanh nghiệp, tạo điều kiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Thiếu chính sách để thu hút cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ là nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhất là nhà khoa học từ nước ngoài về tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST tại Việt Nam.

- Đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp: thiếu cơ hội được công nhận và có các chính sách phù hợp để thúc đẩy sự phát triển của nhân lực KH,CN&ĐMST đối với cá nhân hoạt động độc lập, trong tổ chức và doanh nghiệp.

##### Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phương án không có tác động tích cực với Nhà nước.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST: phương án không có tác động tích cực đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

#### 3.4.1.b. Tác động TTHC: phương án không phát sinh TTHC.

3.4.1.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

3.4.1.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án không ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

3.4.1.d. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án không giải quyết được các bất cập hiện nay về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

3.4.1.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3.4.2. Phương án 2: sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo hướng quy định tại phần 3.3.2.

3.4.2.a. Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: cần rà soát, phân bổ nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển và đóng góp của nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: phương án này không có tác động tiêu cực đến tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước:

- Hoàn thiện các chính sách liên quan đến phát triển nhân lực KH,CN&ĐMST. Tạo môi trường, hành lang pháp lý lành mạnh để tôn vinh, động viên và tạo động lực tích cực cho nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Có các chính sách phù hợp với thực tiễn, góp phần nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST: xác định được rõ ràng các hoạt động được hỗ trợ để nâng cao năng lực, trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Đối với cá nhân, doanh nghiệp: khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, ứng dụng kết quả KH&CN, từ đó, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển; được tiếp cận với môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

3.4.2.b. Tác động TTHC: phương án này không phát sinh TTHC.

3.4.2.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

3.4.2.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

3.4.2.d. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án này giúp giải quyết được những vướng mắc trong quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

3.4.2.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### 3.5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Phương án 2 là phương án mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu nâng cao số lượng và chất lượng nhân lực KH&CN, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (mục tiêu tại Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2039 là đạt 12 người/1 vạn dân theo quy đổi toàn thời gian). Đồng thời, kiến nghị Quốc hội ban hành các chính sách để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST nhằm đáp ứng mục tiêu đưa KH, CN & ĐMST cùng nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành một trong các động lực để công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước.

## 4. Chính sách 4: Đổi mới phương thức triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với hiệu quả

### 4.1. Xác định vấn đề bất cập

#### 4.1.1. Đối với triển khai Chương trình, nhiệm vụ KH&CN

- Quy định của Luật chủ yếu tập trung điều chỉnh đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN, thiếu quy định cụ thể đối với việc đồng tài trợ (với doanh nghiệp) thực hiện nhiệm vụ KH&CN, quy định về nhiệm vụ KH&CN liên kết chưa được quy định chi tiết, triển khai hạn chế, không thu hút, tận dụng nguồn lực của nhà nước; không khuyến khích kết nối thực hiện nhiệm vụ KH&CN giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

- Quy định về phân cấp nhiệm vụ KH&CN chưa có tiêu chí rõ ràng phù hợp với cấp quản lý dẫn đến việc phân loại nhiệm vụ mang tính hình thức, chưa thống nhất.

- Quy định về đề xuất, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia mất nhiều thời gian và chưa thể hiện được vai trò của bộ, ngành. Việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN chậm, không đáp ứng nhu cầu của thực tiễn dẫn đến chưa có nhiều kết quả có tác động nổi bật thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc phân loại các nhiệm vụ mang tính hình thức, chưa thống nhất.

- Việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bao gồm nhiều giai đoạn từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm... Tuy nhiên, trong thực tiễn, chưa có quy định về việc tổ chức triển khai thực hiện một chuỗi các cụm đề tài, dự án nên kết quả của các đề tài, dự án thiếu tính liên kết dẫn đến các kết quả chậm đi vào cuộc sống và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có quy định về các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm



chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Chưa có quy định cụ thể liên quan đến đánh giá hiệu quả hoạt động của các chương trình KH&CN cấp quốc gia. Quy định về đánh giá hoạt động KH&CN trong Luật KH&CN 2013 có cách tiếp cận chưa đầy đủ khiến cho hoạt động đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đối với chương trình KH&CN hoàn toàn chưa được triển khai thực hiện đúng mức, đúng mục đích trong thực tiễn để đánh giá hiệu quả chung của chương trình. Hoạt động đánh giá ban đầu được thực hiện thông qua các hội đồng tư vấn KH&CN trước khi quyết định phê duyệt và phân bổ nguồn lực cho các nhiệm vụ KH&CN.

- Hiện nay, các tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN tạo ra nhiều kết quả KH&CN nhưng chưa được công nhận tương đương với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN. Điều này khiến cho các nhà khoa học thực hiện nhiệm vụ gặp khó khăn khi xem xét đánh giá để công nhận chức danh hoặc vinh danh và khen thưởng theo các quy định có pháp luật có liên quan. Quy định cơ quan nhà nước đánh giá nhiệm vụ không sử dụng NSNN cần được thay bằng quy định tiêu chí để tổ chức, cá nhân tự đánh giá (đơn giản hóa quy trình, thủ tục).

#### 4.1.2. Đối với việc triển khai các dự án ĐMST

- Hiện nay các dự án ĐMST đang được thực hiện theo quy trình như nhiệm vụ KH&CN, chưa có quy định quy trình đặc thù về việc đề xuất, xét chọn, quản lý, thực hiện dự án ĐMST.

- Các nhiệm vụ liên quan đến ĐMST chưa được triển khai hiệu quả, thiếu về số lượng và chất lượng, chưa bao quát hết các hoạt động ĐMST. Khó thu hút, kết nối viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức thúc đẩy ĐMST tham gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, thúc đẩy ĐMST ở doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, giảm khả năng cạnh tranh do không được thụ hưởng thành quả, sản phẩm từ các dự án ĐMST. Dự án ĐMST phục vụ cho giai đoạn từ thương mại hóa công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác với quá trình tạo ra tri thức, công nghệ của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Theo đó, nội dung của dự án ĐMST là để nâng cấp công nghệ, nâng cao khả năng hấp thụ công nghệ, tăng cường chuyển giao và thương mại hóa công nghệ mới từ các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu và phát triển,... qua đó trang bị cho doanh nghiệp năng lực sử dụng và/hoặc tạo ra công nghệ (đối tượng trung tâm là doanh nghiệp).

#### 4.1.3. Đối với việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xác định tác giả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, quy định giao quyền cho tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ sáng chế là kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN chưa bảo đảm tính khả thi, chưa phù hợp đối với đặc thù của từng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Vấn đề giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng NSNN cho cơ quan chủ trì theo cơ chế tự động đã được quy định tại Nghị quyết Trung ương 20-NQ/TW và Luật KH&CN 2013. Tuy nhiên, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN 2013 những năm qua yêu cầu phải thông qua cơ chế xin phép đại

diện chủ sở hữu nhà nước là Bộ Khoa học và Công nghệ. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022 đã có quy định về trao tự động quyền đăng ký xác lập quyền đối với kết quả KH&CN là đối tượng quyền sở hữu công nghiệp. Luật KH&CN (sửa đổi) cần nghiên cứu, bổ sung quy định giao quyền sử dụng đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

- Chưa có các chương trình hỗ trợ giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN (hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học).

#### Hậu quả của bất cập:

Đối với Nhà nước: ảnh hưởng đến nguồn lực, hiệu quả quản lý, triển khai, thực hiện do công cụ quản lý các dự án này chưa thực sự phù hợp; thiếu chính sách thúc đẩy dự án ĐMST. Ảnh hưởng phát triển kinh tế do thiếu cơ chế thúc đẩy thị trường KH&CN và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Nền kinh tế thiếu tính cạnh tranh do các chủ thể tham gia không được tiếp cận nguồn tri thức, công nghệ được tạo ra.

Việc triển khai chương trình, nhiệm vụ không đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khi xuất hiện vấn đề cần nghiên cứu. Không thu hút được nguồn lực đầu tư ngoài NSNN cho triển khai nhiệm vụ KH&CN, chưa có nhiều kết quả có tác động nổi bật thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc chưa triển khai đầy đủ các quy định về đánh giá chương trình KH&CN làm cho Nhà nước thiếu công cụ đánh giá kết quả triển khai chương trình, đề tài so với mục tiêu đề ra, từ đó đánh giá hiệu quả đầu tư cho chương trình KH&CN.

Đối với tổ chức, cá nhân: không thu hút, kết nối viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức dịch vụ KH&CN tham gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, thúc đẩy ĐMST ở doanh nghiệp. Hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, nguồn lực trong thị trường KH&CN. Khó khăn trong việc tiếp cận những tiến bộ mới về KH&CN, không thúc đẩy nhu cầu sáng tạo của người dân. Các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không được ứng dụng, thương mại hóa, không tạo ra nguồn lợi nhuận phục vụ tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu. Cán bộ nghiên cứu ở viện nghiên cứu, trường đại học không được thụ hưởng thành quả nghiên cứu của mình.

Đối với doanh nghiệp: thiếu thông tin về kết quả đánh giá để xem xét tham gia thực hiện các chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và lựa chọn tổ chức KH&CN để phối hợp. Giảm khả năng cạnh tranh do không được thụ hưởng thành quả, sản phẩm từ các dự án ĐMST.

#### Nguyên nhân của vấn đề bất cập:

- Luật KH&CN 2013 tập trung vào quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN nên quy định quy trình, thủ tục chặt chẽ. Thời điểm Luật được ban hành năm 2013 hệ thống ĐMST quốc gia, vùng, ngành chưa hình thành và phát triển như hiện nay, số lượng dự án ĐMST còn ít nên chưa có quy định cụ thể về dự án ĐMST. Các quy định của Luật KH&CN 2013 mang nặng quy định quản lý hành chính, chưa phù hợp với đặc thù nghiên cứu khám phá nội dung mới, chưa biết của nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chưa linh hoạt, mở rộng cho hoạt

động ĐMST chủ yếu được tiến hành ở khu vực doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Việc quy định thực hiện một quy trình tuyển chọn, phê duyệt và nghiệm thu, thanh quyết toán áp dụng chung đối với các loại nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, dự án ĐMST, dự án thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, dự án thúc đẩy KNST... là không phù hợp, chưa linh hoạt với tính chất của từng hoạt động nghiên cứu và sản phẩm đầu ra tương ứng; chưa có quy trình, thủ tục phù hợp để triển khai dự án ĐMST.

- Chưa có quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến đánh giá chương trình KH&CN như: nguyên tắc, phương thức, nội dung, tổ chức đánh giá, kinh phí sử dụng để đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá chương trình.

#### 4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN theo hướng phân định, tách biệt loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Đơn giản hóa quy trình, thủ tục triển khai quản lý, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên cơ sở hoàn thiện các quy định liên quan đến phê duyệt, ký hợp đồng, cơ chế đặt hàng, đề xuất thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Làm rõ, đổi mới cách thức triển khai theo hai phương thức: do Nhà nước đặt hàng và do tổ chức, cá nhân đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước để có cơ chế giao kết quả phù hợp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN. Xác định lại cách tiếp cận doanh nghiệp mới là chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Hoàn thiện quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

+ Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 86a theo hướng:

3a. Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đang trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để khai thác cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp hoặc không cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Đối với trường hợp các đối tượng quy định tại khoản này không được cấp

văn bằng bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để ứng dụng kết quả nghiên cứu.

+ Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 191b theo hướng:

Đối với giống cây trồng đang trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để khai thác cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp hoặc không cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

Đối với trường hợp giống cây trồng quy định tại khoản này không được cấp văn bằng bảo hộ, đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì để ứng dụng kết quả nghiên cứu.- Việc xem xét về phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN nhằm mục đích hoàn thiện hành lang pháp lý về dự án ĐMST và quy trình, thủ tục triển khai dự án ĐMST để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

### 4.3. Giải pháp giải quyết vấn đề

4.3.1. Phương án 1: giữ nguyên quy định tại Luật KH&CN 2013.

4.3.2. Phương án 2: chỉnh sửa, bổ sung các quy định tại Luật KH&CN 2013 theo các nội dung sau:

- Đổi mới, đơn giản hóa cơ chế quản lý, tổ chức triển khai nhiệm vụ KH&CN (đề xuất, xác định, tuyển chọn...) theo hướng giảm tải thời gian xét duyệt, yêu cầu, hồ sơ. Làm rõ hai loại hình nhiệm vụ KH&CN là nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ do Nhà nước tài trợ do tổ chức đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên của Nhà nước. Đồng thời, xây dựng quy trình triển khai phù hợp đối với từng loại nhiệm vụ KH&CN để đơn giản hóa, rút ngắn thời gian, quy trình đề xuất nhiệm vụ và gắn việc nghiên cứu với triển khai ứng dụng kết quả; quy định cơ chế xét duyệt, rút gọn đặc thù đối với một số nhóm, loại hình nhiệm vụ KH&CN.

- Hoàn thiện quy định về tiêu chí phân loại đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Nhà nước đặt hàng theo từng cấp độ gắn với mức trần kinh phí do Nhà nước đầu tư.

- Hoàn thiện quy định về nhiệm vụ KH&CN liên kết với doanh nghiệp (đồng tài trợ từ doanh nghiệp).

- Bổ sung quy định về hình thành, triển khai các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục rút gọn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp.

- Bổ sung quy định về việc công nhận nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh. Quy định cơ quan nhà nước đánh giá nhiệm vụ không sử dụng NSNN cần được thay bằng quy định

tiêu chí để tổ chức, cá nhân tự đánh giá (đơn giản hóa quy trình, thủ tục).

- Hoàn thiện quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

- Bổ sung một số loại hình dự án ĐMST để hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khai thác sáng chế hết hạn bảo hộ hoặc sáng chế không bảo hộ tại Việt Nam; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm. Bổ sung quy định đặc thù về việc quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện dự án ĐMST để tách biệt với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và bảo đảm nguyên tắc trình tự, thủ tục được quy định phù hợp với tính chất của dự án ĐMST (theo hướng Nhà nước xem xét, tài trợ trên cơ sở đề xuất của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu).

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý các chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia. Hoàn thiện quy định theo hướng Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp các chương trình KH&CN quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để bảo đảm đáp ứng các mục tiêu chung của chương trình KH&CN quốc gia, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST quốc gia. Đối với một số chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia sẽ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì triển khai và quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở việc tổng hợp, ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, hoàn thiện, bổ sung quy định nguyên tắc quản lý, các bước, quy trình quản lý nhiệm vụ thuộc chương trình, vai trò, mối quan hệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì chương trình. Giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đối với một số chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và KNST; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác với các doanh nghiệp lớn.

- Bổ sung thêm các quy định về: đánh giá giữa kỳ đối với chương trình KH&CN làm căn cứ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình, cấp kinh phí, đánh giá hiệu quả của chương trình, điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt, gia hạn chương trình.

#### 4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.4.1. Phương án 1: giữ nguyên nội dung Chương IV. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Luật KH&CN 2013.

##### 4.4.1.a Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: chưa làm rõ hình thức triển khai đề tài đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và trách nhiệm tiếp nhận, thương mại hóa kết quả; thiếu các công cụ thúc đẩy thương mại hóa và phát triển thị trường KH&CN.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: chưa có hành lang pháp lý để đề xuất các ý tưởng nghiên cứu xuất phát từ nhu cầu của tổ chức, cá nhân (đặc biệt là trong giai đoạn thương mại hóa), phù hợp với định hướng của Nhà nước. Không có công cụ hiệu quả thúc đẩy kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học để hợp tác hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu để thương mại hóa; thiếu các thể chế trung gian hỗ trợ kết nối cung cầu công nghệ.

Đối với viện nghiên cứu, trường đại học: các kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ không được ứng dụng, thương mại hóa, không tạo ra nguồn lợi nhuận phục vụ tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu.

- Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phương án không có tác động tích cực với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học do quy định hiện tại chưa được chỉnh sửa khiến cho thời gian đề xuất, thực hiện nhiệm vụ KH&CN kéo dài, ảnh hưởng đến cơ hội và tính thời sự của nghiên cứu, ảnh hưởng đến khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4.4.1.b. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

4.4.1.c. Tác động về TTHC: phương án không phát sinh TTHC mới.

4.4.1.d. Tác động tới hệ thống pháp luật: phương án không làm thay đổi hệ thống pháp luật.

4.4.2. Phương án 2: sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST theo nội dung tại mục 4.3.2.

4.4.2.a. Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

- Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý đáp ứng yêu cầu thực tế về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường trách nhiệm của các bộ, ngành, địa

phương trong quản lý chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST đáp ứng yêu cầu thực tế về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; giải quyết các nhu cầu thương mại hóa, phát triển thị trường KH&CN, KNST của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: được tạo điều kiện thuận lợi trong việc đề xuất, tham gia, thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, dự án ĐMST, tạo cơ hội nâng cao năng lực, cơ hội được tiếp cận TTHC đơn giản hơn. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp gia tăng giá trị của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ thông qua hoạt động thương mại hóa công nghệ, nâng cao năng lực nội tại (về nhân lực, khả năng ứng dụng, làm chủ công nghệ) của doanh nghiệp.

4.4.2.b. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

4.4.2.c. Tác động về TTHC:

- Các quy trình, thủ tục đánh giá nhiệm vụ sẽ được rút gọn thời gian, tạo hành lang thông thoáng cho tổ chức chủ trì đề xuất, đăng ký và triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Đối với TTHC mới của dự án ĐMST, thực chất TTHC mới này được đơn giản hóa từ TTHC của nhiệm vụ KH&CN tại Luật KH&CN 2013. Vì vậy, về cơ bản, giảm chi phí, đơn giản hóa TTHC so với thực tế triển khai hiện nay theo quy định của Luật KH&CN 2013.

- Bổ sung TTHC công nhận nhiệm vụ KH&CN do tổ chức, cá nhân đầu tư, thực hiện là nhiệm vụ tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

Chi tiết đánh giá tác động TTHC gửi kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

4.4.2.d. Tác động tới hệ thống pháp luật: triển khai phương án này cần điều chỉnh các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật KH&CN 2013 về trình tự, thủ tục đề xuất, phê duyệt, triển khai chương trình, nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST.

#### 4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Phương án 2 là phương án mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong phê duyệt các chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đưa nghiên cứu gắn với thị trường, tạo ra sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, phục vụ xã hội. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất trình Quốc hội ban hành Luật để triển khai thực hiện các nội dung trong chính sách.

## 5. Chính sách 5: Thu hút đầu tư, tạo thuận lợi sử dụng ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

### 5.1. Vấn đề bất cập:

- Tổng kinh phí đầu tư của toàn xã hội cho KH, CN & ĐMST còn thấp. Kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ NSNN chiếm tỷ lệ thấp và chủ yếu tập trung vào chi lương, hoạt động bộ máy và cho các đối tượng thuộc khu vực công lập; chi thực hiện dự án tăng cường năng lực nghiên cứu theo quy định của Luật Đầu tư công không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học của các tổ chức KH & CN.

- Quy định của Luật mới chỉ tập trung nguồn lực chủ yếu cho các chương trình KH & CN để tạo ra tri thức (hệ thống các chương trình KH & CN trọng điểm, chương trình quốc gia về KH & CN, nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở), nhưng chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực thỏa đáng cho các chương trình ứng dụng tri thức (thương mại hóa, đổi mới sáng tạo, tiếp cận thị trường, trung gian tư vấn - kết nối, nâng cao năng lực; khởi nghiệp sáng tạo;...) và lan tỏa, truyền bá tri thức (đầu tư cho nâng cấp tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế, khuyến khích công bố trong nước; truyền thông đại chúng cho KH & CN; xây dựng các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các trường đại học; tôn vinh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; nâng cao nhận thức, thúc đẩy văn hóa ĐMST;...). Trong khi, đây là các vấn đề thực sự quan trọng, liên quan tới hiệu quả đầu ra và mục tiêu đích đến của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST là phục vụ cho con người và cuộc sống. Điều này cũng đặt ra vấn đề cho việc cam kết mang tính quy phạm của Nhà nước trong việc tái cân đối và phân bổ nguồn lực hợp lý cho các chương trình thúc đẩy ứng dụng tri thức và công nghệ trong cuộc sống, truyền bá tri thức trong người dân và xã hội và quan trọng hơn, cần sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách dành cho sự nghiệp KH & CN (ngân sách sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nguồn lực đầu tư đối ứng từ xã hội) để chi cho các hoạt động ứng dụng và truyền bá tri thức, vì đây là hoạt động đòi hỏi sự tham gia của doanh nghiệp và các lực lượng khác trong xã hội.

- Việc phân bổ NSNN cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa có quy định phù hợp với sự phát triển KH & CN, chưa làm rõ việc phân bổ dựa trên kết quả sử dụng kinh phí, chưa làm rõ cơ cấu NSNN cho KH & CN giữa Trung ương và địa phương; giữa nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh; giữa nhiệm vụ thường xuyên và đầu tư phát triển, giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ... và chưa xem xét tới quy mô, đóng góp của các ngành, lĩnh vực (đối với các nhiệm vụ cấp bộ, ngành) và địa phương (với các nhiệm vụ cấp tỉnh) để xác định cơ cấu và tỷ lệ phân bổ NSNN cho từng năm và trong giai đoạn 5 năm.

- Về lập kế hoạch dự toán NSNN liên quan đến nhiệm vụ KH & CN: không phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (theo quy định của Luật NSNN và Luật KH & CN hiện nay dẫn tới yêu cầu vào thời điểm tháng 7 năm trước năm lập kế hoạch đã phải có đầy đủ các quyết định



phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí thực hiện cho tất cả các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện vào năm lập kế hoạch).

- Chưa có nội dung chi cho nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái. Quy định cơ chế đầu tư đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt chưa được quy định rõ nên khó khăn trong việc triển khai.

- Chưa có các mục đích chi NSNN cho hoạt động ĐMST, học bổng nghiên cứu cho nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; liên quan đến mua bản quyền xuất bản, quyền sở hữu sáng chế để hỗ trợ tổ chức/cá nhân dùng chung, đánh giá tổ chức KH&CN, chương trình KH&CN...

- Theo quy định của Luật KH&CN 2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tuy nhiên, thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công 2014 và nay là Luật Đầu tư công 2019, việc phân bổ NSNN chi cho đầu tư phát triển KH&CN thuộc trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cũng theo quy định của Luật Đầu tư công, Quốc hội giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các bộ, ngành và địa phương, bao gồm 13 ngành, lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực KH&CN. Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn được giao, hằng năm, các bộ, ngành và địa phương được chủ động giao và điều chỉnh kế hoạch vốn năm trong nội bộ giữa các ngành, lĩnh vực của cơ quan mình theo khả năng thực hiện của dự án. Do đó, việc đánh giá bố trí vốn đầu tư cho lĩnh vực KH&CN phải dựa trên cơ sở cả giai đoạn trung hạn và việc chỉ xác định tỷ lệ tổng số vốn đầu tư cho KH&CN theo năm sẽ chưa phản ánh đầy đủ, toàn diện việc bảo đảm NSNN cho KH&CN theo tỉ lệ 2% tổng chi NSNN theo quy định của Luật KH&CN 2013 và Nghị quyết 20-NQ/TW.

- Cơ chế khoán chi quy định tại Luật KH&CN 2013 đã được áp dụng trong thực tiễn nhưng chưa phát huy hiệu quả đơn giản hóa quy trình, thủ tục triển khai nhiệm vụ KH&CN do ít tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm lựa chọn khoán chi đến sản phẩm cuối cùng vì yêu cầu kết quả nghiên cứu phải đạt chỉ tiêu đề ra, trong khi bản chất của KH&CN là tìm kiếm cái mới, là hoạt động sáng tạo, có tính rủi ro, có thể không đi đến kết quả đã định trước.

- Đối với Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia: tiến độ cấp kinh phí cho Quỹ hàng năm (kể cả kinh phí tài trợ, hỗ trợ) chậm, giảm tính đồng bộ và linh hoạt trong cơ chế quản lý tài chính của Quỹ; không thực hiện được chức năng cho vay, bảo lãnh vốn vay (không phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng). Chưa có quy định giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thủ tục tài trợ, hỗ trợ của Quỹ để linh hoạt trong quá trình triển khai.

- Đối với Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: mới chỉ có Bộ Xây dựng thành lập quỹ phát triển KH&CN của Bộ nhưng hoạt động thực tiễn gặp nhiều khó khăn (biên chế, mô hình hoạt động và

nguồn kinh phí hình thành quỹ chưa phù hợp với thực tiễn, chưa phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan).

- Đối với Quỹ phát triển KH&CN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Đa số Quỹ phát triển KH&CN các tỉnh, thành phố hoạt động không hiệu quả, chỉ có 14/36 Quỹ có hoạt động giải ngân kinh phí (bộ máy điều hành và quản lý vẫn chưa được kiện toàn, lực lượng cán bộ đều kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn về nghiệp vụ tài chính; nguồn vốn hoạt động hạn chế, vốn cấp ban đầu ít trong khi chưa vận động được đóng góp từ tổ chức, cá nhân khác ngoài Nhà nước. Việc huy động vốn ngoài NSNN để bổ sung vốn cho Quỹ không khả thi.

- Đối với Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: cơ chế khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn; nội dung chi, TTHC trong kiểm soát chi của Quỹ chưa linh hoạt, chủ động và chưa phù hợp với đặc thù của Quỹ, có nội dung chưa được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, thủ tục khó thực hiện. Hiện nay nhiều doanh nghiệp nhà nước không thành lập quỹ. Đối với doanh nghiệp tư nhân, tập đoàn, khi thành lập quỹ bị quản lý chi tiêu như kinh phí từ NSNN. Do vậy, họ không thành lập quỹ mà sử dụng kinh phí sau thuế để đầu tư cho KH&CN.

- Đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia: tại Điều 38 của Luật Chuyển giao công nghệ đã quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia nhưng không quy định cụ thể mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ (Quỹ đang hoạt động theo mô hình hỗn hợp vừa là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ vừa hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ). Hiện nay, chưa có quy định chung để thống nhất việc quản lý các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dẫn đến tình trạng khung pháp lý thiếu đồng bộ, không đáp ứng triệt để được yêu cầu và thực tiễn hoạt động của Quỹ. Vì vậy, trong quá trình triển khai hoạt động Quỹ gặp nhiều khó khăn về tổ chức, nguồn vốn.

- Thiếu các chính sách phù hợp của Nhà nước như: hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm mới, chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường, thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ.

- Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST chưa phù hợp với các quy định của pháp luật về thuế nên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp gặp khó khăn khi chứng minh các hoạt động để được hưởng ưu đãi. Các chính sách ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, thuế chưa bổ sung các lĩnh vực mới xuất hiện, dựa trên ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới.

#### Hậu quả của bất cập:

Việc các quy định về tài chính cho KH&CN đang được áp dụng chung các chính sách về tài chính, đầu tư như đối với dự án đầu tư khiến cho tính linh hoạt trong nghiên cứu khi xuất hiện các vấn đề nghiên cứu bị hạn chế, kéo theo kết quả nghiên cứu không đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn; việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục chặt chẽ về triển khai mua sắm, đấu thầu, khoán chi và yêu cầu phải

đi đến kết quả cuối cùng khi chưa triển khai nghiên cứu chưa phù hợp với tính chất nghiên cứu đi tìm cái mới, cái chưa biết của hoạt động nghiên cứu khoa học; việc tuân thủ các quy trình, thủ tục chặt chẽ về định giá, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được điều chỉnh bởi nhiều Luật khác nhau cũng góp phần hạn chế việc chuyển giao kết quả nghiên cứu.

#### Nguyên nhân của bất cập:

Sau khi Luật KH&CN 2013 được ban hành, các đạo luật liên quan đến đầu tư, tài chính, ngân sách được ban hành có những quy định không phù hợp với quy định của Luật KH&CN 2013 dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong triển khai Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### *5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:*

Huy động nguồn đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST. Phân bổ, sử dụng hiệu quả, phù hợp kinh phí dành cho KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ trong lĩnh vực KH&CN. *5.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề*

*5.3.1. Phương án 1:* giữ nguyên quy định hiện nay tại Luật KH&CN 2013.

*5.3.2. Phương án 2:* sửa đổi, bổ sung quy định về tài chính cho hoạt động KH,CN&ĐMST như sau:

a) Đề xuất hoàn thiện quy định về chi NSNN cho KH&CN:

- Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đặc biệt là các phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất cho các tổ chức KH&CN công lập.

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và KNST; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hợp tác với các doanh nghiệp lớn; trong đó có cả các chính sách về ưu đãi thuế quan và phi thuế quan.

- Bổ sung quy định để có thể cấp kinh phí dự phòng cho nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

- Bổ sung quy định về quy định cơ chế đầu tư đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt nhằm mục tiêu: xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, hình thành các thiết chế mới về KH,CN&ĐMST như: trung tâm xuất sắc, trung tâm ĐMST, phòng thí nghiệm trọng điểm nhằm tăng cường tiềm lực KH&CN quốc gia, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ mới. Nhiệm vụ KH&CN triển khai theo cơ chế đầu tư đặc biệt có thể dùng cả nguồn vốn đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN (chi thường xuyên).

- Bổ sung quy định về mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hóa là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST để thúc đẩy thương mại hóa.

- Hoàn thiện các công cụ chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST theo hướng quy định các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế để làm căn cứ đề xuất các chính sách cụ thể trong pháp luật về thuế.

- Quy định đối với đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, Nhà nước xác định mức trần kinh phí và tuyển chọn ý tưởng tốt nhất. Khi trúng tuyển, tổ chức chủ trì có thể huy động thêm kinh phí bên ngoài để triển khai nghiên cứu.

- Quy định về sử dụng kinh phí theo quy định của nhà tài trợ đối với nhiệm vụ KH&CN được tài trợ không bằng NSNN để thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, quỹ đầu tư ngoài NSNN hoặc tài trợ của các tổ chức quốc tế cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đề xuất bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ từ nguồn ngoài ngân sách được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

- Quy định về tài trợ của doanh nghiệp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST được tính vào khoản tài trợ<sup>7</sup> của doanh nghiệp để trừ đi khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Quy định hành lang pháp lý cho các quỹ tài trợ, hỗ trợ KH&CN ngoài NSNN.

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các nguồn lực ngoài công lập tham gia, đóng góp vào sự phát triển của hệ sinh thái KNST. Đề xuất cơ chế đầu tư, nhất là xã hội hóa để đầu tư các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học.

#### b) Sửa đổi các nội dung chi NSNN cho phù hợp:

- Bổ sung các mục chi: như chi NSNN cho hoạt động ĐMST, học bổng nghiên cứu cho nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; liên quan đến

<sup>7</sup> Tại điểm n khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 ngày 14/11/2022 quy định: Khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Tại điểm n khoản 2 Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015; Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 quy định khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổ chức nhận khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học quy định tại điểm này là tổ chức KH&CN thành lập và hoạt động theo Luật KH&CN thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật về KH&CN.

mua bản quyền xuất bản, quyền sở hữu sáng chế để hỗ trợ tổ chức/cá nhân dùng chung, đánh giá tổ chức KH&CN, chương trình KH&CN.

- Bổ sung, cập nhật các quy định về đầu tư cho việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin. Hoàn thiện quy định về thống kê KH&CN để phục vụ hiệu quả cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Bổ sung quy định để thúc đẩy đầu tư nâng cao tiềm lực thông tin KH, CN & ĐMST từ nguồn kinh phí ngoài NSNN.

c) Hoàn thiện quy định về xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng NSNN cho KH, CN & ĐMST để thuận tiện trong triển khai, phù hợp với tiến độ cấp kinh phí:

- Bổ quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật KH&CN 2013: “4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí KH&CN đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch KH&CN; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí KH&CN đúng mục đích, hiệu quả” do chồng lấn với quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách. Theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, việc tổ chức chi NSNN nói chung và chi NSNN cho lĩnh vực KH&CN nói riêng thực hiện theo hình thức rút dự toán, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thanh toán đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán chi NSNN được giao. Trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả trước hết thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý ngành/lĩnh vực KH&CN, đơn vị cấp 1 và đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách.

- Bổ sung quy định về lập dự toán cho các chương trình KH&CN trong thời gian 5 năm và hằng năm. Thực hiện cơ chế lập dự toán NSNN cho thực hiện nhiệm vụ KH&CN căn cứ vào danh mục nhiệm vụ và dự kiến tổng mức kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của chương trình KH&CN sẽ triển khai thực hiện trong năm kế hoạch, gắn với dự kiến tổng mức kinh phí dự kiến thực hiện trong cả giai đoạn để có cơ sở lập kế hoạch NSNN dài hạn.

- Quy định về bố trí kinh phí dự phòng để kịp thời triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết theo quy định tại Luật NSNN.

- Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST gắn với trách nhiệm báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

- Để tăng cường vai trò của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc tổng hợp, theo dõi việc bảo đảm NSNN cho KH&CN theo tỷ lệ tối thiểu 2% tổng chi NSNN theo quy định của Luật KH&CN và Nghị quyết 20-NQ/TW, cần sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm báo cáo của các bộ, ngành và địa phương về việc giao vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực KH&CN hằng năm và trong cả giai đoạn cũng như quy định trách nhiệm liên thông thông tin báo cáo tổng hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Khoa học và Công nghệ để chủ động phối hợp theo dõi, giám sát. Bổ sung, làm rõ cơ chế phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ

Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình tổng hợp, xử lý, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với kinh phí sự nghiệp KH&CN và kinh phí đầu tư phát triển.

d) Sửa đổi quy định chỉ cho phép áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng với nhiệm vụ có tính rủi ro không cao. Bổ sung quy định đối với phần kinh phí khoán thì mua sắm vật tư, nguyên vật liệu không phải đấu thầu (tham khảo Nghị định 24/2024/NĐ-CP).

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng (không phân biệt đến từ khu vực công hay khu vực tư nhân).

- Hoàn thiện quy định về cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới công nghệ và ĐMST sử dụng NSNN. Đối với đề tài, dự án cụ thể sẽ cấp về ngân sách của tổ chức chủ trì thực hiện đề tài để quản lý và chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

đ) Sửa đổi, bổ sung quy định để xác định mô hình hoạt động của các quỹ phù hợp (mô hình đơn vị sự nghiệp hay quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách...)

Để tiếp tục phát huy hiệu quả của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, tránh việc trùng lặp nhiệm vụ chi từ NSNN, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia theo hai phương án:

+ Phương án 1: Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhưng vẫn được NSNN cấp kinh phí hoạt động hằng năm.

+ Phương án 2: Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập, được cấp kinh phí cấp hằng năm dựa trên kết quả hoạt động của giai đoạn trước và cần phải bảo đảm các yêu cầu về quyết định phê duyệt như đối với các nhiệm vụ KH&CN khác. Dự toán kinh phí dành cho nhiệm vụ KH&CN mở mới hằng năm dựa trên kết quả số lượng nhiệm vụ KH&CN mở mới và trung bình kinh phí cho mỗi nhiệm vụ trong giai đoạn trước.

Với Phương án 2, Quỹ sẽ có điểm khác biệt với đơn vị sự nghiệp công lập là kinh phí được cấp hằng năm không phải bảo đảm yêu cầu về quyết định phê duyệt như đối với các nhiệm vụ KH&CN khác. Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2 để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, góp phần vào việc nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia.

- Đề xuất 02 phương án quy định với Quỹ Phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương.

Phương án 1: bỏ quy định về quỹ do thời gian qua rất ít bộ, ngành, địa phương thành lập quỹ. Những quỹ đã thành lập thì tiếp tục xin dừng hoạt động do